TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẠC LIÊU** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 115/2019/QĐST-HNGĐ	*Bạc Liêu, ngày 26 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 163/2019/TLST/HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **H N N**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp TÓ, xã NH, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Anh **T V T**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Số CC, khóm TKB, Phường U, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 4 năm 2018 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị H N N và anh T V T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị H N N và anh T V T thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị H N N và anh T V T có 02 người con chung tên VL, sinh ngày 22/4/2012 và cháu HH, sinh ngày 06/6/2017 (Cháu VL đang sống cùng chị N và cháu HH đang sống cùng anh T).

Giao cháu VL, sinh ngày 22/4/2012 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh T có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền cản trở.

Giao cháu HH, sinh ngày 06/6/2017 cho T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N và anh T không yêu cầu Tòa án xem xét nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét.

- Về nợ: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị N chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng. Chị N đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000515 ngày 17/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được chuyển thu án phí 150.000đồng, chị N được hoàn lại 150.000đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tp.BL;
- CC THA tp.BL;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ;
- UNND xã (phường) nơi ĐKKH.

Thị Mỹ Hằng